TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37**/2019/LĐ-ST
Ngày: 26-11-2019
V/v: *"Tranh chấp về bảo hiểm xã hội"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Phạm Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Hạ Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa*: Bà Đặng Thị Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2019/TLST-LĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm về tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2019/QĐXXST-LĐ ngày 23-10-2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Số nhà 142 đường NCT, phường Q P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đinh Thị Thanh T, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Tổ 16, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20-9-2018); có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Tổng hợp V P; địa chỉ trụ sở: Lô 23, khu công nghiệp Q P, phường Q P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Thanh B là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tổng hợp V P); vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh Q; địa chỉ trụ sở: Số 08, đường CBQ, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Tiêu S là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Q).

- Ông Lê Thành V - chức vụ: Phó trưởng phòng khai thác và thu nợ Bảo hiểm xã hội tỉnh Q là n*gười đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh Q* (Giấy ủy quyền số 1545/UQ BHXH ngày 23/10/2019). Ông V có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 28-12-2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Đinh Thị Thanh T trình bày:*

Bà Nguyễn Thị L ký hợp đồng lao động và bắt đầu làm việc tại Công ty Cổ phần Tổng hợp V P từ ngày 25 tháng 5 năm 1995 đến ngày 31 tháng 7 năm 2014. Từ tháng 12-2013 đến nay, Công ty Cổ phần Tổng hợp V P không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp cho bà Nguyễn Thị L, mặc dù hàng tháng Công ty Cổ phần Tổng hợp V P vẫn trừ 10,5% tiền lương của bà. Đến ngày 21-7-2014 bà Nguyễn Thị L có đơn xin nghỉ việc. Ngày 31-7-2014, Công ty Cổ phần Tổng hợp V P ra Quyết định số 738/QĐ – HĐQTVP về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà L.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-12-2018, tính đến tháng 6-2018 Công ty Cổ phần Tổng hợp V P chưa đóng các loại bảo hiểm tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Q từ tháng 12-2013 đến tháng 7-2014 cho bà L cụ thể: Bảo hiểm xã hội 7.406.916 đồng; Bảo hiểm y tế 152.508 đồng; Bảo hiểm thất nghiệp 159.645 đồng; Bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp 14.999 đồng; tổng cộng: 7.734.068 đồng (bảy triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi tám đồng). Bà Lệ yêu cầu Công ty Cổ phần Tổng hợp V P phải đóng các khoản bảo hiểm trên cho bà Lệ tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Q để Bảo hiểm xã hội tỉnh Q chốt sổ và trả sổ bảo hiểm cho bà L giải quyết kịp thời chế độ bảo hiểm cho người lao động, bà L không yêu cầu tính lãi.

Ngày 26-6-2019, bà Nguyễn Thị L có Đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu buộc Công ty Cổ phần Tổng hợp V P phải đóng tiền lãi chậm đóng của các khoản bảo hiểm: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm lao động – bệnh nghề nghiệp cho bà số tiền là 2.867.332 đồng.

Sau đó Công ty Cổ phần Tổng hợp V P đã trả một khoản tiền để chốt sổ cho 144 lao động, số tiền còn lại đã được trích vào tiền gốc bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (theo quy định của ngành Bảo hiểm), do vậy Công ty Cổ phần Tổng hợp V P chỉ nợ người lao động hai khoản nợ còn lại là nợ bảo hiểm xã hội và nợ bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp (trước đây là bảo hiểm xã hội, đến tháng 7-2016 được tách ra bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp). Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp, chỉ yêu cầu Công ty Cổ phần Tổng hợp V P phải đóng bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị L đến ngày 31-10-2019 tổng cộng

là 12.426.324 đồng, trong đó: nợ gốc bảo hiểm xã hội từ tháng 12-2013 đến tháng 7-2014 là 7.421.915 đồng, nợ lãi từ tháng 12-2013 đến tháng 7-2014 là 159.771 đồng, lãi từ tháng 8-2014 đến tháng 10-2019 là 4.844.638 đồng và lãi phát sinh từ tháng 11-2019 cho đến khi Công ty Cổ phần Tổng hợp V P đóng xong khoản tiền nợ bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị L để Bảo hiểm xã hội tỉnh Q chốt sổ và giải quyết kịp thời chế độ bảo hiểm xã hội cho bà L.

** Bị đơn là Công ty Cổ phần Tổng hợp V P không có lời trình bày.*

** Tại văn bản đề ngày 25-10-2019 và tại phiên tòa, ông Lê Thành V là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Q trình bày:*

Bảo hiểm xã hội tỉnh Q xác nhận số tiền nợ của người lao động đến ngày 31-10-2019: về tiền gốc bảo hiểm các loại giảm so với thời điểm xác nhận số liệu đến ngày 30-6-2018, khoản lãi tăng do Công ty Cổ phần Tổng hợp V P tiếp tục nợ từ tháng 7 năm 2018 đến tháng 10 năm 2019. Lý do là vì Công ty Cổ phần Tổng hợp V P đã trả một khoản tiền để chốt sổ bảo hiểm xã hội cho 144 lao động, số tiền còn lại đã được ưu tiên phân bổ vào số tiền nợ bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Do đó, Bảo hiểm xã hội tỉnh Q xác nhận số nợ gốc của các lao động mà Công ty Cổ phần Tổng hợp V P còn nợ lại chưa đóng là khoản nợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp (trước đây là bảo hiểm xã hội, đến tháng 7/2016 được tách ra bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp) và Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là quỹ thành phần của bảo hiểm xã hội, việc đóng, hưởng quản lý và sử dụng quỹ thực hiện theo quy định của Luật an toàn, về sinh lao động và Luật bảo hiểm xã hội. Đối với trường hợp của bà Nguyễn Thị L có số sổ Bảo hiểm xã hội 5114005526. Bảo hiểm xã hội tỉnh Q xác nhận Công ty Cổ phần Tổng hợp V P chưa đóng bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị L tổng cộng là 12.426.324 đồng, trong đó: nợ gốc bảo hiểm xã hội từ tháng 12-2013 đến tháng 7-2014 là 7.421.915 đồng, nợ lãi từ tháng 12-2013 đến tháng 7-2014 là 159.771 đồng, lãi từ tháng 8-2014 đến tháng 10-2019 là 4.844.638 đồng. Theo qui định tại điểm 3.2 khoản 3 Điều 46 Quyết định 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam thì Công ty Cổ phần Tổng hợp V P phải có trách nhiệm đóng đủ số tiền còn nợ bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị L tổng cộng tiền gốc là 7.421.915 đồng, tiền nợ lãi là 5.004.409 đồng (lãi tính đến ngày 31/10/2019) tổng cộng là 12.426.324 đồng và tiền lãi phát sinh từ tháng 11/2019 cho đến khi Công ty Cổ phần Tổng hợp V P đóng xong các khoản tiền bảo hiểm xã hội cho bà L để Bảo hiểm xã hội xác nhận được sổ bảo hiểm xã hội cho bà L.

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đối với nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với bị đơn và người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng các quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 32, 35, 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, 37, 47, khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 14, 18, 91, 92, 94 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006; Điều 14, 15 của Luật bảo hiểm y tế năm 2008; khoản 3 Điều 6 Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27-11-2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; khoản 3 Điều 46 Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14-4-2017 về ban hành quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động bệnh nghề nghiệp, quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế; Điều 12, 14, 15 và 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị:

+ Đình chỉ xét xử một phần đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với số tiền bảo hiểm y tế và tiền bảo hiểm thất nghiệp.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L; Buộc Công ty Cổ phần Tổng hợp V P phải có trách nhiệm và nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền bảo hiểm theo quy định cho bà Lệ tổng cộng là 12.426.324 đồng.

+ Về phần án phí lao động sơ thẩm: Công ty Cổ phần Tổng hợp V P phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị L yêu cầu Công ty Cổ phần Tổng hợp V P phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và lãi chậm đóng theo quy định của pháp luật cho bà L tại cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Q. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Q thụ lý vụ án tranh chấp về bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm về tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm đ khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 30-10-2019 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn đóng hai khoản bảo hiểm y tế và khoản bảo hiểm thất nghiệp vì bị đơn đã đóng xong tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Q, chỉ yêu cầu bị đơn đóng hai khoản bảo hiểm chậm đóng còn lại là bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp và yêu cầu tính lãi chậm đóng.

Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội".

[1.2] Bị đơn là Công ty Cổ phần Tổng hợp V P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là Công ty Cổ phần tổng hợp V P ủy quyền cho ông Trần Văn P (không phải là thành viên công ty) tham gia tố tụng. Tuy nhiên, tại Điều 47 của Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Tổng hợp V P quy định: "Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện Công ty trước pháp luật và được ủy quyền cho Giám đốc điều hành trong giai đoạn tranh tụng". Do đó, việc ủy quyền nêu trên là không hợp lệ nên không được Tòa án chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Thị L bắt đầu làm việc Công ty Đ Q tại Phân xưởng bao bì, thuộc Công ty Đ Q từ ngày 26-10-1995 và ký Hợp đồng lao động ngày 29-12-1995. Sau đó bà Lệ tiếp tục ký kết các hợp đồng lao động với Phân xưởng bao bì (sau đổi tên thành Nhà máy bao bì) thuộc Công ty Cổ phần Đ Q. Trong quá trình hoạt động, Công ty Cổ phần bao bì V P đổi tên thành Công ty Cổ phần Tổng hợp V P. Bà Nguyễn Thị L tiếp tục làm việc tại Công ty Cổ phần Tổng hợp V P và ký kết các Hợp đồng lao động ngày 12-8-2004, Hợp đồng lao động số 6129/VP-HĐLĐ ngày 30-6-2012. Việc hai bên ký kết các hợp đồng lao động là tự nguyện và đúng quy định pháp luật. Đến ngày 21-7-2014, bà L mới có đơn xin nghỉ việc. Ngày 31-7-2014, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tổng hợp V P ký quyết định số 738/QĐ-HĐQTVP về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Nguyễn Thị L.

[2.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Công ty Cổ phần Tổng hợp V P trả hai khoản nợ bảo hiểm chưa đóng là bảo hiểm y tế 152.508 đồng và bảo hiểm thất nghiệp 159.645 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.3] Xét số tiền gốc chậm đóng bảo hiểm xã hội là 7.421.915 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị Lcó mã số Bảo hiểm xã hội là 5114005526, Công ty Cổ phần Tổng hợp V P đã đăng ký khai đóng bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị L tại cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Q và đã trích thu nhập hàng tháng của bà L nhưng không đóng đầy đủ đúng quy định các loại bảo hiểm bắt buộc cho bà L là không làm đúng trách nhiệm của người sử dụng lao động được quy định tại Điều 4 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006 và là hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại các khoản 1, 4 Điều 14, Điều 134 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006. Yêu cầu khởi kiện

của bà L buộc Công ty Cổ phần Tổng hợp V P là có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử buộc Công ty Cổ phần Tổng hợp V P phải đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12-2013 đến tháng 7-2014 cho bà Lệ tại cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Q với số tiền là 7.421.915 đồng.

[2.4] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty Cổ phần Tổng hợp V P phải đóng số tiền lãi chậm đóng trên số nợ gốc bảo hiểm xã hội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào Khoản 3 Điều 138 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006, khoản 3 Điều 122 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 5 thông tư số 20/2016/TT-BTC ngày 03-02-2016 của Bộ Tài chính và công văn số 1379/BHXH-BT ngày 21-4-2016 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định những trường hợp chậm đóng, trốn Bảo hiểm xã hội phải được tính lãi suất. Do Công ty Cổ phần Tổng hợp V P chậm đóng các loại bảo hiểm xã hội cho bà Lệ nên Công ty Cổ phần Tổng hợp V P phải chịu lãi suất chậm đóng được tính đến tháng 31-10-2019. Cụ thể nợ lãi từ tháng 12-2013 đến tháng 7-2014 là 159.771 đồng, nợ lãi từ tháng 8-2014 đến tháng 10-2019 là 4.844.638 đồng và lãi phát sinh từ tháng 11 năm 2019 cho đến khi Công ty Cổ phần Tổng hợp V P đóng xong khoản tiền nợ bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị L để Bảo hiểm xã hội tỉnh Q chốt sổ và giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội cho bà Lệ là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn Công ty Cổ phần Tổng hợp V P phải chịu án phí lao động sơ thẩm số tiền là: 12.426.324 đồng x 3% = 372.790 đồng. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 4, 14, 91, 92, 94, 134, khoản 3 Điều 138 Luật bảo hiểm năm 2006, Khoản 3 Điều 122 Luật Bảo hiểm năm 2014; Điều 5 Thông tư số 20/2016/TT – BTC ngày 03/02/2016 của Bộ Tài chính; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc không yêu cầu Công ty Cổ phần Tổng hợp V P đóng tiền bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà Nguyễn Thị L.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc Công ty Cổ phần Tổng hợp V P phải có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị L

tại cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Q số tiền gốc chậm đóng bảo hiểm xã hội là 7.421.915 đồng và tiền lãi là 5.004.409 đồng (lãi tính đến ngày 31-10-2019), tổng cộng là 12.426.324 đồng *(Mười hai triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi bốn đồng)*. Công ty Cổ phần Tổng hợp V P còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh kể từ tháng 11 năm 2019 cho đến khi đóng xong tiền nợ bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị L theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội.

3. Về án phí: Công ty Cổ phần Tổng hợp V P phải chịu 372.790 đồng *(ba trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm chín mươi đồng)* án phí lao động sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí lao động sơ thẩm. Bà L đã được Tòa án miễn tiền tạm ứng án phí nên không xử lý.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Dũng